

Bản án số: 46/2022/HS-ST  
Ngày 11-5-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bé Thị Chiêu.

Ông Nguyễn Phương Nghĩa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:**  
Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vừ Văn S**, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1994 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm N (trước đây là xóm L), xã M, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: lớp 7/12 phổ thông; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ Nhè T, sinh năm 1939 và Hoàng Thị Đ, sinh năm 1942; vợ: Thào Thị P, sinh năm 1990 và con: 01 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 27/4/2015 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Giúp đỡ, tạo điều kiện cho người khác qua lại biên giới quốc gia trái phép và hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định.

+ Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ Ngày 14/01/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 năm tù về Tội mua bán người.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn, Huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Họ và tên: **Dương Văn T**, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1997 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: lớp 8/12 phổ thông; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T, sinh năm 1969 và bà Lý Thị D, sinh 1972; vợ: Lý Thị M, sinh năm 2003 và con: 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16-11-2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Họ và tên: **Vừ Văn T1**, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2001 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm K, xã M, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: lớp 8/12 phổ thông; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ Văn V, sinh năm 1983 và bà Dương Thị D, sinh năm 1984; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 06-12-2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vừ Văn S:* Ông Triệu Bằng Giang – Trợ giúp pháp lý thuộc Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn T:* Bà Nguyễn Thị Thảo – Trợ giúp pháp lý thuộc Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vừ Văn T1:* Bà Phùng Thị Ương – Trợ giúp pháp lý thuộc Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Bị hại:* Vàng Thị L, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn A, xã B, Huyện Q, tỉnh Bắc Kạn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Vàng Thị L:*

+ Ông Tạ Ngọc Vân – Văn phòng Luật sư Tạ Vân và cộng sự- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Bà Đoàn Thị T – Trợ giúp pháp lý thuộc Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Vàng A P, sinh năm 1959;

Cùng trú tại: Thôn A, xã B, Huyện Q, tỉnh Bắc Kạn; có mặt.

- *Người làm chứng:* Lý Thị M, sinh năm 1998; trú tại: xóm N, xã N, Huyện Q, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 29/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng tiếp nhận đơn trình báo của bà Vàng Thị L (sinh năm 1992; trú tại: thôn A, xã B, Huyện Q, tỉnh Bắc Kạn) về việc: Khoảng tháng 5/2019 qua mạng xã hội Facebook, L có quen biết một nam thanh niên giới thiệu quê ở Huyện B, tỉnh Cao Bằng và người này đã lừa đưa L sang Trung Quốc bán đồng thời đề nghị Cơ quan Công an điều tra, xử lý người đã bán L theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra đủ căn cứ để xác định: Năm 2018, Vũ Văn S (sinh năm 1994; trú tại: xóm N (trước đây là xóm L), xã M, Huyện B, tỉnh Cao Bằng) đi làm thuê tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Sau một thời gian làm thuê cho một người đàn ông Trung Quốc tên là V, khi biết S sắp về Việt Nam và không sang làm nữa, V bảo S về Việt Nam tìm phụ nữ trẻ lừa đưa sang Trung Quốc bán cho V, mỗi một người V sẽ trả cho S khoảng 20.000 NDT (*Hai mươi nghìn nhân dân tệ*). Đến khoảng cuối tháng 9/2018, S từ Trung Quốc quay về Huyện B, tỉnh Cao Bằng sinh sống. Khi trở về do không có việc làm ổn định nên S thường đến thị trấn P, Huyện B chơi. Trong thời gian này S quen biết với Dương Văn T (sinh năm 1997; trú tại: xóm C, thị trấn P, Huyện B, tỉnh Cao Bằng) và Vũ Văn T1 (Tên gọi khác là D) (sinh năm 2001; trú tại: xóm K, xã M, Huyện B, tỉnh Cao Bằng). Một thời gian sau do thiếu tiền ăn chơi và sinh hoạt cá nhân, S nảy sinh ý định lừa con gái Việt Nam đưa sang Trung Quốc bán cho V để lấy tiền.

Khoảng tháng 5/2019, thông qua mạng xã hội facebook S sử dụng điện thoại làm quen được với Vàng Thị L (sinh năm 1992; trú tại: thôn A, xã B, Huyện Q, tỉnh Bắc Kạn). Trong khi nhắn tin nói chuyện với L thì S tự giới thiệu mình tên là H, nhà ở huyện M, tỉnh Hà Giang. Với mục đích lừa bán L sang Trung Quốc bán lấy tiền, S đã rủ L cùng mình đi sang Trung Quốc làm thuê với số tiền công mỗi tháng được 4.000 NDT (*Bốn nghìn nhân dân tệ*), đồng thời để tạo lòng tin nên S nói là yêu L và được L đồng ý. Sau khi L nhận lời và đồng ý đi sang Trung Quốc làm thuê, ngày 16/5/2019 S hướng dẫn L đi xe khách đến thị trấn B, Huyện B, tỉnh Cao Bằng để gặp S. Tiếp đó, S gọi điện thoại cho T và T1 hẹn gặp nhau ở bàn bi a tại chợ thị trấn P, huyện B. Khi gặp nhau, S rủ T đưa người sang Trung Quốc bán. T đồng ý và S bảo T đem chiếc điện thoại di động Oppo A38 của T đi cầm đồ được số tiền 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*) để lấy tiền chi tiêu dọc đường. Do L không biết đường nên không xuống xe ở thị trấn B như đã hẹn, vì thế S cùng T1 đi xe máy đến xã Y, Huyện B để đợi đón L, còn T một mình đi xe máy đến sau. Đến chiều tối ngày 16/5/2019 thì S đón được L, rồi cả nhóm đi thuê 02 phòng ở nhà nghỉ Ph tại xóm K, xã Y, Huyện B để ngủ. Tại đây S nói với L là chiều ngày hôm sau sẽ đưa L sang Trung Quốc làm thuê để L tin tưởng. Khoảng 15 giờ ngày 17/5/2019 S rủ T, T1 dùng xe máy đưa L sang

Trung Quốc qua đường D, huyện B, tỉnh Cao Bằng. T và T1 đồng ý, sau đó S chở L đi trước, T chở T1 đi theo sau. Do trước khi đi S đã gọi điện thông báo cho V biết, nên khi sang đến đất Trung Quốc khoảng 02km thì S dặn T và T1 dừng xe đợi, còn S chở L đi tiếp một đoạn thì gặp V cùng một người đàn ông Trung Quốc đi xe ô tô màu trắng đợi sẵn. S bảo V đi thêm một đoạn sẽ có người đợi lấy tiền. Khi gặp T và T1 thì V hỏi “*Bọn mày có phải đợi thằng S để lấy tiền đúng không?*” thì T trả lời là “*Phải*” rồi T và T1 vào trong xe để nhận tiền. Người lái xe đưa cho T một túi nilon màu đen có một cọc tiền Trung Quốc, T định đếm thì người này bảo T là “*Không phải đếm, đủ rồi, số tiền đấy là 18.000NDT (Mười tám nghìn nhân dân tệ)*”, rồi T cầm tiền cùng T1 ra khỏi xe ô tô. Còn V và người đàn ông Trung Quốc đi xe quay lại chỗ S và L. S bảo với L là “*Cứ lên xe ô tô đi trước, S sẽ đi theo sau*”. L tin tưởng đi lên xe ô tô đi theo V và người đàn ông Trung Quốc. Còn S đi về chỗ T, T1 và hỏi lấy được tiền chưa thì T trả lời là được rồi. Sau đó, S, T, T1 đi về thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng và đổi số tiền Trung Quốc bán L là 18.000NDT (*Mười tám nghìn nhân dân tệ*) ra tiền Việt Nam được 59.400.000đ (*Năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng*), S chia cho T1 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*), cho T 14.700.000đ (*Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*), số còn lại 27.700.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*) S được hưởng. Sau đó cả ba ngủ lại nhà nghỉ tại thị trấn P, Huyện B, đến sáng hôm sau cả ba đi về nhà.

Về phía Vàng Thị L, sau khi bị bán L đi lấy chồng người Trung Quốc, khoảng tháng 9/2021, L bỏ trốn khỏi nhà chồng và bị Công an Trung Quốc bắt. Đến ngày 15/10/2021, L được Đại đội quản lý biên giới P1 – Trung Quốc chuyển giao cho Đoàn Biên phòng S, huyện U, tỉnh Cao Bằng qua cửa khẩu Sóc Giang. Sau đó, L được đưa đi cách ly tại Trường trung cấp nghề ở Phố A, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Ngày 29/10/2021, L hết thời gian cách ly và đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cao Bằng để trình báo sự việc.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận cáo trạng phản ánh đúng hành vi các bị cáo thực hiện và cáo trạng truy tố các bị cáo về tội Mua bán người là đúng với hành vi, các bị cáo không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa bị hại Vàng Thị L khai: Về hành vi của các bị cáo thực hiện đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát công bố. Bị hại yêu cầu bị cáo Vũ Văn S phải bồi thường tiền tổn thất danh dự nhân phẩm cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vàng A P trình bày: Con tôi bỏ đi hơn hai năm mới quay về, tại phiên tòa tôi yêu cầu các bị cáo bồi thường cho gia đình tôi 10 triệu đồng.

Các bị cáo không nhất trí với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nhất trí bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Ngày 09-3-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số 21/CT-VKSCB.P2 truy tố Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 về tội Mua bán người quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 phạm tội “*Mua bán người*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn S từ 09 đến 10 năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 01/2020/HS-ST ngày 14 -01 - 2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Cao bằng xử phạt bị cáo Vũ Văn S 9 năm tù về tội Mua bán người. Tổng hợp cả hai bản án bị cáo Vũ Văn S phải chấp hành hình phạt là 18 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 08 đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Điều 584, 585, 587 và 592 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải bồi thường tiền danh dự nhân phẩm cho bị hại không quá 10 lần mức lương cơ sở.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại OPPO, 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS là công cụ, phương tiện để các bị cáo liên lạc, sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Trả lại cho bị cáo T 01 CMND mang tên Dương Văn T, trả cho bị cáo T1 01 CMND mang tên Vũ Văn T1 và 01 điện thoại OPPO.

Cần truy thu khoản tiền đối với các bị cáo do phạm tội mà có: Bị cáo S 27.700.000đ, bị cáo T1 17.000.000đ, bị cáo T 14.700.000đ.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Triệu Bằng Giang bào chữa cho bị cáo Vũ Văn S nhất trí với kết luận

của đại diện Viện kiểm sát về điều luật và tội danh áp dụng; Tại giai đoạn truy tố bị cáo S đã đầu thú về hành vi bán chích Vàng Thị L sang Trung Quốc và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc quyết định mức hình phạt và cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; Về hình phạt bổ sung, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, hiện nay đang phải đi chấp hành hình phạt, do vậy đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự và phần bồi thường thiệt hại đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị cáo S không có lời bào chữa bổ sung.

Bà Nguyễn Thị Thảo bào chữa cho bị cáo Dương Văn T nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát về điều luật và tội danh áp dụng. T1y nhiên cần xem xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội và vai trò bị cáo trong vụ án này, vai trò của T là đồng phạm giúp sức. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế. Sau khi phạm tội đã nhận thức được sai phạm của mình thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cân nhắc quyết định mức hình phạt và cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị. Về trách nhiệm dân sự và phần bồi thường thiệt hại đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị cáo T không có lời bào chữa bổ sung.

Bà Phùng Thị Ương bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T1 nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát về điều luật và tội danh áp dụng. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 T1ổi. Ở lứa T1ổi này, bị cáo chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, về sinh lí, T lí và ý thức; kinh nghiệm sống không có, kiến thức pháp luật còn hạn chế bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, trình độ văn hóa thấp, vì vậy khi thấy lợi ích trước mắt đã thực hiện hành vi phạm tội để có tiền phục vụ cho nhu cầu cá nhân và sinh hoạt của gia đình, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm. Quá trình điều tra, bị cáo nhận thấy được hành vi của mình là sai trái nên đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; điều 58; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt đối với người phạm tội chưa đủ 18 T1ổi. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và

tra cho bị cáo 01 chiếc điện thoại OPPO, phần bồi thường thiệt hại đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị cáo T1 không có lời bào chữa bổ sung.

Ông Tạ Ngọc Vân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Vàng Thị L trình bày: Về tội danh và hình phạt nhất trí như ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát. Phần trách nhiệm dân sự giải quyết theo quy định của pháp luật. Phần bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm hiện nay quy định mức 10 tháng lương tối thiểu là quá thấp. Yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền tổn thất tinh thần là 10 tháng lương tối thiểu. Tổng cộng yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường là 26.000.000 đồng, như vậy mới cân xứng với thiệt hại của bị hại.

Bà Đoàn Thị T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Vàng Thị L trình bày: Nhất trí với ý kiến của Luật sư Tạ Ngọc Vân. Về hành vi và mức hình phạt do viện kiểm sát đề nghị không có ý kiến gì. Đối với việc bị hại bị bán sang Trung Quốc đã làm ảnh hưởng đến tinh thần của bị hại, việc ảnh hưởng đó do các bị cáo gây ra, hơn nữa gia đình cùng mất nhiều thời gian đi tìm con. Mức bồi thường nhất trí như yêu cầu của Luật sư Tạ Ngọc Vân đã trình bày.

Bị hại Vàng Thị L nhất trí, không có ý kiến bổ sung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vàng A P không có ý kiến gì tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Vũ Văn S, Dương Văn T,

Vừ Văn T1 hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án và đã có đủ căn cứ kết luận:

Do trong thời gian đi làm thuê ở Trung Quốc, Vừ Văn S có quen biết và được một người đàn ông tên là V hứa sẽ trả tiền công nếu về Việt Nam tìm được những người con gái, phụ nữ Việt Nam để dẫn sang Trung Quốc bán, nên khoảng tháng 5/2019 qua mạng xã hội facebook, S quen biết với Vàng Thị L và rủ L sang Trung Quốc làm thuê. Tuy nhiên, với mục đích lừa bán L sang Trung Quốc bán nên ngày 17/5/2019 S đã rủ Dương Văn T và Vừ Văn T1 cùng thực hiện hành vi đưa L sang Trung Quốc qua đường xã D, huyện B, tỉnh Cao Bằng bán được số tiền là 18.000NDT (*Mười tám nghìn nhân dân tệ*). Đổi ra tiền Việt Nam được số tiền 59.400.000đ (*Năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng*), S chia cho T1 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*), cho T 14.700.000đ (*Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*), số còn lại 27.700.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*) S được hưởng đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Vừ Văn S, Dương Văn T, Vừ Văn T1 về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội Mua bán người của các bị cáo Vừ Văn S, Dương Văn T, Vừ Văn T1 là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến các quyền cơ bản của con người - quyền được người khác tôn trọng về danh dự, nhân phẩm, sức khỏe và hơn hết là quyền tự do của con người; các bị cáo đã coi người phụ nữ như hàng hóa để trao đổi, mua bán kiếm tiền, thu lợi bất chính; các bị cáo lợi dụng địa hình biên giới đường mòn, lợi dụng chính sách mở cửa biên giới thông thoáng giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Đặc biệt các bị cáo lợi dụng sự hạn chế về trình độ văn hóa, xã hội, kỹ năng sống, sự nhẹ dạ, mất cảnh giác và phong tục tập quán của người dân tộc ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa mà lừa dối, tạo lòng tin để đưa Vàng Thị L bán cho một người đàn ông Trung Quốc để nhận lấy số tiền 18.000NDT.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; bị cáo S là người chủ mưu cầm đầu, là người làm quen mục đích lừa bán L, là người hướng dẫn đường đi cho L, là người rủ T và T1 đưa L đi bán, như vậy bị cáo đóng vai trò vừa là người trực tiếp thực hiện hành vi lừa và đưa Vàng Thị L sang Trung Quốc bán, là người trực tiếp liên lạc với người Trung Quốc. Đối với bị cáo T và T1 mặc dù không quen biết L nhưng là người trực tiếp giao dịch với người Trung Quốc để nhận



tiền. Khi được S rủ, các bị cáo đã cùng S thực hiện hành vi phạm tội đưa L sang Trung Quốc, bị cáo T1 được chia 17.000.000đ, bị cáo T được chia 14.700.000đ; Đối với bị cáo T1 khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 T1ổi nên khi xem xét lượng hình cũng cần áp dụng quy định pháp luật về mức hình phạt đối với người phạm tội chưa đủ 18 T1ổi.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo Dương Văn T và Vừ Văn T1 là người có nhân thân tốt. Bị cáo Vừ Văn S: Ngày 27/4/2015 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Giúp đỡ, tạo điều kiện cho người khác qua lại biên giới quốc gia trái phép và hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định; Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 14/01/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 năm tù về Tội mua bán người.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét thấy việc đưa các bị cáo ra truy tố trước pháp luật là cần thiết, phải xử lý nghiêm khắc, cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm mua bán người.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt, xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo T và bị cáo T1 về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo S đề nghị áp dụng điểm r khoản 1 điều 51 và điều 54 của bộ luật hình sự là không có căn cứ để chấp nhận. Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất về danh dự nhân phẩm cần được chấp nhận còn yêu cầu tổn thất về tinh thần là không có căn cứ chấp nhận bởi không có tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 150 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Hội đồng xét xử thấy trước khi phạm tội các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về khoản tiền do phạm tội mà có: Cần truy thu khoản tiền do phạm tội

mà có: Bị cáo Vũ Văn S 27.700.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng), bị cáo Dương Văn T 14.700.000đ (*Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*), bị cáo Vũ Văn T1 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi lừa Vàng Thị L sang Trung Quốc bán của các bị cáo đã xâm phạm đến tự do, danh dự, nhân phẩm của bị hại nên buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm cho Vàng Thị L.

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với yêu cầu của bị hại, do vậy Hội đồng xét xử buộc bị cáo Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại Vàng Thị L theo quy định của pháp luật bằng 10 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng/tháng = 14.900.000đ (*Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng*), cụ thể: Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 4.967.000đ (*Bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*);

Tại phiên tòa ông Vàng A P là bố đẻ của chị Vàng Thị L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 10.000.000đ, các bị cáo không nhất trí với yêu cầu của người liên quan Vàng A P mà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông Páo yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 10 triệu đồng nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó nên hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng là điện thoại, xe máy dùng làm công cụ phương tiện thực hiện tội phạm cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước, trả lại vật chứng là CMND của các bị cáo và 01 chiếc điện thoại OPPO cho Vũ Văn T1.

[8] Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Tuyên bố:**

Các bị cáo Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 phạm tội “Mua bán người”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn S 09 (*chín*) năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 01/2020/HS-ST ngày 14-01-2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo Vũ Văn S 09 (*chín*) năm tù về tội Mua bán người. Tổng hợp hình phạt chung cả hai bản án bị cáo Vũ Văn S phải chấp hành là 18 năm tù. (*Thời giam chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 29-6-2019*).

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn T 08 (*tám*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 16-11-2021.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 06 (*sáu*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 06-12-2021.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 587; Điều 592; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Vàng Thị L, sinh năm 1992, (trú tại: Thôn A, xã B, Huyện Q, tỉnh Bắc Kạn) thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền là 14.900.000đ. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 4.967.000đ (*Bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có:* Bị cáo Vũ Văn S 27.700.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*), bị cáo Dương Văn T 14.700.000đ (*Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*), bị cáo Vũ Văn T1 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (Một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động OPPO của Vừ Văn S”

- 01 (Một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh đen. Xe không gắn biển kiểm soát. Tình trạng xe đã cũ hỏng, không có gương chiếu hậu, phần nhựa xe nhiều chỗ bị vỡ nát. Số khung: RLCS3S3106Y054372. Số máy: 3S31-054372.

Qua kiểm tra thực tế và tra cứu số khung số máy của xe tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Cao Bằng thì không có dữ liệu về chiếc xe này. Có Công văn trả lời xác minh và Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ kèm theo.

- Trả lại cho bị cáo Dương Văn T: 01 (Một) CMND mang tên Dương Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Vừ Văn T1: 01 (Một) CMND mang tên Vừ Văn T1; 01 (Một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động OPPO của Vừ Văn T1”.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 64 ngày 11 tháng 3 năm 2022.

#### **4. Về án phí:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vừ Văn S, Dương Văn T, Vừ Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải bồi thường là 248.300 đồng. Tổng cộng cả 02 khoản án phí mỗi bị cáo phải nộp là 448.300 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Các bị cáo Vũ Văn S, Dương Văn T, Vũ Văn T1 và bị hại Vàng Thị L có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vàng A P, có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Trại giam CA Cao Bằng;
- Người TGT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như**